Ký bởi: HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
Ngày ký: 20-10-2026 20:30:07 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37 /NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 3)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA XI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 499/TTr-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 3); Báo cáo thẩm tra số 310/BC-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 16692/UBND-ĐTKT ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 3); ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách địa phương từ phần vốn phân bổ sau để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ khác và điều chỉnh tăng tương ứng **48.826** triệu đồng vốn đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách địa phương đã phân bổ cho 02 dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh tăng tương ứng **41.460** triệu đồng vào phần vốn phân bổ sau để thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách địa phương đã phân bổ cho **13** dự án để điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho **42** dự án, với số vốn **104.638,582** triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Thông qua dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện 15 dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22

tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, với tổng số vốn **245.000** triệu đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau khi các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục IIa kèm theo)

Điều 3. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách địa phương để thực hiện đầu tư **02** dự án, với số vốn **39.883** triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Chịu trách nhiệm toàn diện về tính hợp pháp, chính xác và thống nhất của các nội dung, thông tin, số liệu đối với từng dự án. Chỉ đạo các chủ đầu tư có trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích, đúng quy định hiện hành, tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án, bảo đảm theo thời gian quy định và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Ba thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện KSND, TAND tỉnh, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Cao Thị Hòa An

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung/nhiệm vụ	Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách địa phương đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 24/12/2025		Điều chỉnh				Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công sau điều chỉnh		Ghi chú
				Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng				
		Tổng nguồn vốn	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng nguồn vốn	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng nguồn vốn	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng nguồn vốn	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG	**288,709**	**288,709**	**48,826**	**48,826**	**48,826**	**48,826**	**288,709**	**288,709**	
1	Các nội dung, nhiệm vụ khác	88,709	88,709	48,826	48,826			39,883	39,883	Chi tiết tại Phụ lục IV
2	Đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	200,000	200,000			48,826	48,826	248,826	248,826	
2.1	Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					4,547	4,547	204,547	204,547	Bảo đảm tỷ lệ (76%) theo Điều 5 Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND
2.2	Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG về phát triển văn hóa					44,279	44,279	44,279	44,279	Bảo đảm tỷ lệ 20% theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025

Phụ lục II

DANH MỤC VÀ MỨC VỐN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, KẾ HOẠCH NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 37 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2026 đã được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 26/5/2026; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02/7/2026		Kế hoạch năm 2026 Điều chỉnh				Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh		Ghi chú
									Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng cộng	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng cộng	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng cộng	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng cộng	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG				**73,096.0**	**73,096.0**	**245,000**	**245,000**	**41,460**	**41,460**	**41,460**	**41,460**	**245,000**	**245,000**	
I	**Danh mục và mức vốn cho các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua**				**73,096.0**	**73,096.0**	**41,460**	**41,460**	**41,460**	**41,460**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ của các cơ quan đảng trong thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính các cấp	Tỉnh Đắk Lắk	Văn phòng Tỉnh ủy	1446/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của UBND tỉnh	62,188	62,188	31,000	31,000	31,000	31,000			-	-	
2	Số hóa tài liệu lưu trữ tại Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Sở Tư pháp	1810/QĐ-UBND ngày 11/6/2026	10,908	10,908	10,460	10,460	10,460	10,460			-	-	
II	**Phân bổ sau**						**203,540**	**203,540**			**41,460**	**41,460**	**245,000**	**245,000**	**Phương án phân bổ chi tiết tại Phụ lục IIa**

Phụ lục IIa

DỰ KIẾN DANH MỤC VÀ MỨC VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 37 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư dự kiến	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng cộng	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG				**246,738**	**246,738**	**245,000**	**245,000**	
I	**Cấp tỉnh thực hiện**				**222,824**	**222,824**	**221,086**	**221,086**	
1	Triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng tỉnh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Sở Xây dựng	2573/QĐ-UBND ngày 17/8/2026	19,800	19,800	18,730	18,730	
2	Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), GIS và Blockchain trong quản lý sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản	Tỉnh Đắk Lắk	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2819/QĐ-UBND ngày 07/9/2026	45,838	45,838	45,670	45,670	
3	Đầu tư xây dựng hệ thống quản trị số tài nguyên rừng và đa dạng sinh học tỉnh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk	3165/QĐ-UBND ngày 01/10/2026	45,000	45,000	44,850	44,850	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư dự kiến	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng cộng	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
4	Mua sắm trang bị và đầu tư mạng LAN nội bộ thực hiện chuyển đổi số và cải cách hành chính trong công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia của Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	3252/QĐ-UBND ngày 08/10/2026	5,007	5,007	5,007	5,007	
5	Xây dựng Hệ thống điều hành thông minh phòng, chống khủng bố, biểu tình, bạo loạn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Công an tỉnh	3333/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	105,000	105,000	104,650	104,650	
6	Mua sắm trang thiết bị đầu cuối phục vụ hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ	Tỉnh Đắk Lắk	Sở Khoa học và Công nghệ	3356/QĐ-UBND ngày 16/10/2026	2,179	2,179	2,179	2,179	
II	**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG**				**23,914**	**23,914**	**23,914**	**23,914**	
	Phường Tân An				**1,995**	**1,995**	**1,995**	**1,995**	
1	Đầu tư nâng cấp hạ tầng chuyển đổi số tại trung tâm phục vụ hành chính công Phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk				1,995	1,995	1,995	1,995	
	Phường Tân Lập				**2,758**	**2,758**	**2,758**	**2,758**	
2	Đầu tư nâng cấp hạ tầng chuyển đổi số tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk				2,758	2,758	2,758	2,758	
	Phường Thành Nhất				**2,803**	**2,803**	**2,803**	**2,803**	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư dự kiến	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng cộng	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
3	Nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Thành Nhất				2,803	2,803	2,803	2,803	
	Phường Ea Kao				**1,451**	**1,451**	**1,451**	**1,451**	
4	Đầu tư nâng cấp hạ tầng chuyển đổi số tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk				1,451	1,451	1,451	1,451	
	Phường Cư Bao				**4,090**	**4,090**	**4,090**	**4,090**	
5	Đầu tư trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Cư Bao				4,090	4,090	4,090	4,090	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, phường
	Phường Phú Yên				**3,478**	**3,478**	**3,478**	**3,478**	
6	Đầu tư nâng cấp hạ tầng chuyển đổi số tại trung tâm phục vụ hành chính công phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk				3,478	3,478	3,478	3,478	
	Phường Bình Kiến				**2,659**	**2,659**	**2,659**	**2,659**	
7	Nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Bình Kiến				2,659	2,659	2,659	2,659	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư dự kiến	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng cộng	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
	Phường Xuân Đài				**2,471**	**2,471**	**2,471**	**2,471**	
8	Nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Xuân Đài				2,471	2,471	2,471	2,471	
	Phường Hòa Hiệp				**2,209**	**2,209**	**2,209**	**2,209**	
9	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hòa Hiệp				2,209	2,209	2,209	2,209	

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (ĐỢT 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến thời điểm trình (25/9/2026)	Lũy kế giải ngân KH 2026 từ đầu năm đến thời điểm trình (25/9/2026)	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt					Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Chia theo nguồn vốn					
							Trong đó:					Trong đó:							Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSĐP				Tổng cộng	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng cộng	Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	
	TỔNG CỘNG					**3,872,869**	**3,224,457**	**1,756,740.139**	**1,365,872**	**378,589**	**684,214.000**	**263,000.000**	**420,748.000**	**299.000**	**167.000**	**104,638.582**	**104,638.582**	**684,214.000**	**263,000.000**	**420,748.000**	**299.000**	**167.000**	
A	**Điều chỉnh giảm**					**2,234,749**	**1,770,337**	**1,131,415.451**	**767,852**	**376,609**	**684,214.000**	**263,000.000**	**420,748.000**	**299.000**	**167.000**	**104,638.582**	**-**	**579,575.418**	**263,000.000**	**316,156.328**	**256.295**	**162.795**	
I	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Buôn Ma Thuột**	-				**565,000**	**565,000**	**319,310.000**	**223,039**	**203,729**	**300,000.000**	**263,000.000**	**37,000.000**	**-**	**-**	**21,998.061**	**-**	**278,001.939**	**263,000.000**	**15,001.939**	**-**	**-**	
1	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Trần Khánh Dư và đoạn từ đường Phan Trọng Tuệ đến đường Lê Quý Đôn), thành phố Buôn Ma Thuột	Phường Buôn Ma Thuột	7901425	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Buôn Ma Thuột	3852/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021; 1552/QĐ-UBND, ngày 24/5/2024	565,000	565,000	319,310.000	223,038.870	203,728.870	300,000.000	263,000.000	37,000.000			21,998.061		278,001.939	263,000.000	15,001.939	-	-	Dư vốn trong công tác đền bù GPMB
II	**Ban QLDA ĐTXD Công trình DD&CN tỉnh**					**53,240**	**53,240**	**49,262.596**	**48,045.052**	**2,322.667**	**9,587.000**	**-**	**9,121.000**	**299.000**	**167.000**	**4,167.021**	**-**	**5,419.979**	**-**	**5,000.889**	**256.295**	**162.795**	
1	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 1	Phường Buôn Hồ	8167241	Ban QLDA ĐTXD Công trình DD&CN tỉnh	561/QĐ-BDDCN ngày 06/10/2025	3,042.310	3,042.310	3,042.000	1,903.470	1,903.470	9,120.000		9,120.000			4,120.000	-	5,000.000	-	5,000.000	-	-	Dự án mới phê duyệt dự toán CBĐT. Dự kiến trong năm 2026 chỉ thực hiện thủ tục phê duyệt BCNCKT và triển khai thực hiện công tác GPMB
2	Trụ sở làm việc liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Đắk Lắk	Phường Buôn Ma Thuột	7969317	Ban QLDA ĐTXD Công trình DD&CN tỉnh	2734/QĐ-UBND, ngày 21/12/2023	11,712	11,712	9,175.629	9,171.424	162.795	167.000				167.000	4.205		162.795	-	-	-	162.795	Dư so với QT (Kế hoạch HĐND tỉnh đã thông qua 1.200 triệu đồng, UBND tỉnh đã ban hành QĐ 1501/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 điều chỉnh)
3	Trụ sở làm việc chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ea Kar	Xã Ea Kar	7940855	Ban QLDA ĐTXD Công trình DD&CN tỉnh	665/QĐ-UBND, ngày 28/02/2024	11,000	11,000	10,773.000	10,740.896	0.111	1.000		1.000			0.111		0.889	-	0.889	-	-	Dư so với QT (Kế hoạch HĐND tỉnh đã thông qua 228 triệu đồng, UBND tỉnh đã ban hành QĐ 1501/QĐ-UBND , ngày 25/5/2026 điều chỉnh)
4	Trường Trung cấp tỉnh Đắk Lắk. Hạng mục: Nhà thực hành; nhà đa chức năng và hạ tầng kỹ thuật	Phường Buôn Ma Thuột	7940858	Ban QLDA ĐTXD Công trình DD&CN tỉnh	263/QĐ-UBND, ngày 25/01/2024	14,986	14,986	14,110.967	14,088.861	5.890	28.000			28.000		22.106		5.894	-	-	5.894	-	Dư so với QT (Kế hoạch HĐND tỉnh đã thông qua 903 triệu đồng, UBND tỉnh đã ban hành QĐ 1501/QĐ-UBND , ngày 25/5/2026 điều chỉnh)
5	Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục hòa nhập Trẻ khuyết tật tỉnh Đắk Lắk; Hạng mục: Nhà lớp học, thư viện, các phòng chức năng và nhà lớp học bộ môn	Phường Tân An	7940857	Ban QLDA ĐTXD Công trình DD&CN tỉnh	2833/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	12,500	12,500	12,161.000	12,140.401	250.401	271.000			271.000		20.599		250.401	-	-	250.401	-	Dư so với QT (Kế hoạch HĐND tỉnh đã thông qua 610 triệu đồng, UBND tỉnh đã ban hành QĐ 1501/QĐ-UBND , ngày 25/5/2026 điều chỉnh)
III	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa**	-				**737,272**	**737,272**	**518,401.655**	**395,483.789**	**162,177.134**	**252,000.000**	**-**	**252,000.000**	**-**	**-**	**33,468.000**	**-**	**218,532.000**	**-**	**218,532.000**	**-**	**-**	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Nam khu du lịch sinh thái Sao Việt và Khu dân cư phía Tây Trung tâm An điều dưỡng tàu ngầm, xã An Phú, thành phố Tuy Hòa (40 ha)	Phường Bình Kiến	7776379	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa	3977/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	598,485	598,485	420,401.655	334,495.784	147,189.129	200,000.000		200,000.000			23,468.000		176,532.000	-	176,532.000	-	-	Hiện nay công tác GPMB chưa hoàn thành nên khó có khả năng giải ngân hết vốn kế hoạch năm 2026.
2	Đầu tư, mở rộng nghĩa trang Thọ Vức, (phần mở rộng 30 ha), xã Hòa Kiến và xã An Phú, thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 2: 25 ha)	Phường Bình Kiến	7947889	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa	1354/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	138,787	138,787	98,000.000	60,988.005	14,988.005	52,000.000		52,000.000			10,000.000		42,000.000	-	42,000.000	-	-	Hiện nay đang bước vào mùa mưa nên khó có khả năng giải ngân hết vốn kế hoạch năm 2026.
IV	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An**	-				**198,519**	**198,519**	**158,374.000**	**67,972.000**	**7,012.401**	**84,000.000**	**-**	**84,000.000**			**44,150.000**		**39,850.000**		**39,850.000**			

STT	Chủ đầu tư/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến thời điểm trình (25/9/2026)	Lũy kế giải ngân KH 2026 từ đầu năm đến thời điểm trình (25/9/2026)	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt					Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Chia theo nguồn vốn					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				Tổng cộng	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng cộng	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	
1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hòa Lợi, xã Xuân Cảnh	Phường Sông Cầu	7945718	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	4808/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	38,350	38,350	30,365	11,244	20.000	15,000.000		15,000.000			10,000.000		5,000.000		5,000.000			Hết nhu cầu vốn
2	HTKT khu dân cư phía Tây sân khấu Lô Thiên	Phường Sông Cầu	7626717	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	4742/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	34,999	34,999	33,214	21,559	-	9,000.000		9,000.000			9,000.000							Hết nhu cầu vốn
3	Đường Trung Trinh - Vũng La (GĐ 1)	Phường Sông Cầu	7945716	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	2780/QĐ-UBND, ngày 28/4/2023	45,862	45,862	36,270	9,942	1,671.733	25,000.000		25,000.000			15,340.000		9,660.000		9,660.000			Hết nhu cầu vốn
4	Đường Nội thị Võ Thị Sáu (giai đoạn 2)	Phường Sông Cầu	7885393	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	4001/QĐ-UBND, ngày 29/11/2021	79,308	79,308	58,525	25,227	5,320.668	35,000.000		35,000.000			9,810.000		25,190.000		25,190.000			Hết nhu cầu vốn
V	**Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình GT&NNPTNT tỉnh**					**680,718**	**216,306**	**86,067.200**	**33,312.099**	**1,367.555**	**38,627.000**	**-**	**38,627.000**	**-**	**-**	**855.500**	**-**	**37,771.500**	**-**	**37,771.500**	**-**	**-**	
1	Tiểu dự án nâng cấp, xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nước tưới cho cây trồng cạn tỉnh Đắk Lắk, dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	Xã Krông Pắc; Xã Quảng Tiến; Xã Ea Kar; Xã Ea Drăng; Xã Ea Kly	7611297	Ban QLDA ĐTXD Công trình GT&NNPTNT tỉnh	06/QĐ-UBND ngày 02/01/2019; 770/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	680,718	216,306	86,067.20	33,312.10	1,367.56	38,627.000		38,627.000			855.500		37,771.500		37,771.500			Bộ NN&MT phê duyệt điều chỉnh CTĐT tại QĐ số 3144/QĐ-BNNMT ngày 10/8/2026. UBND tỉnh đã thực hiện các thủ tục gia hạn Hiệp định vay trình Bộ Tài chính. Hiện thời gian giải ngân đã hết hạn theo Hiệp định nên từ 01/7/2026 không thực hiện giải ngân
B	**Điều chỉnh tăng**					**1,638,120**	**1,454,120**	**625,324.688**	**598,020.645**	**1,980.867**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**104,638.582**	**104,638.582**	**-**	**104,591.672**	**42.705**	**4.205**	
I	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Buôn Ma Thuột**					**123,800**	**123,800**	**71,161.065**	**53,461.281**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**13,232.318**	**13,232.318**	**-**	**13,185.408**	**42.705**	**4.205**	
1	Đường Chu Văn An (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Hà Huy Tập), thành phố Buôn Ma Thuột	Phường Buôn Ma Thuột	7931849	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	8353/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	45,000	45,000	15,826	6,731	-							4,209.000	4,209.000	-	4,209.000	-	-	Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
2	Đền bù, GPMB; xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Đông Nam (giai đoạn 4)	Xã Krông Ana	7956852	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	2859/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	35,000	35,000	35,000	29,884	-							3,200.000	3,200.000	-	3,200.000	-	-	Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
3	Trường THCS Phạm Hồng Thái; Hạng mục: Bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng sân và tường rào phần mở rộng	Phường Buôn Ma Thuột	7977037	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	8156/QĐ-UBND ngày 23/09/2022	20,000	20,000	3,335	3,275	-							4,000.000	4,000.000	-	4,000.000	-	-	Đền bù theo Bản án số: 174/2024/HC-ST Ngày 17/9/2024
4	Trường Trung học cơ sở Võ Thị Sáu, xã Krông Na. Hạng mục: Thư viện, cổng hàng rào, sân bê tông	Xã Buôn Đôn	8127522	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	2962/QĐ-UBND, ngày 30/7/2024	2,600	2,600	2,600	2,481	-							119.000	119.000	-	119.000	-	-	HT
5	Trường Tiểu học Lê Văn Tám, xã Ea Bar. Hạng mục: Nhà ăn và sân bê tông	Xã Ea Nuôl	8114974	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	2960/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	2,500	2,500	2,500	-	-							70.000	70.000	-	27.295	42.705	-	HT
6	Trường TH Cư Mlan, xã Cư Mlan; Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng	Xã Ea Súp	8096420	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	2224/QĐ-UBND ngày 11/7/2024	3,800	3,800	3,300	3,288	-							500.000	500.000	-	500.000	-	-	HT
7	Trường Mầm non Ea Bung, xã Ea Bung. Hạng mục: Nhà hiệu bộ (02 tầng)	Xã Ea Súp	8055064	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	3917/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	3,700	3,700	2,800	2,800	-							779.451	779.451	-	779.451	-	-	Quyết toán
8	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Huyện ủy và Hội trường huyện Ea Súp	Xã Ea Súp	8127587	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	4182/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	5,300	5,300	5,000	4,216	-							300.000	300.000	-	300.000	-	-	Quyết toán
9	Xây dựng Trụ sở HĐND-UBND xã Ea Rốk huyện Ea Súp; Hạng mục: Nhà cấp III, 02 tầng	Xã Ea Súp	8098335	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	2223/QĐ-UBND ngày 25/07/2024	5,900	5,900	800	786	-							54.867	54.867	-	50.662	-	4.205	Quyết toán CBĐT, dừng dự án
II	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa**	-				**569,031**	**569,031**	**28,228.549**	**27,820.804**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**33,468.000**	**33,468.000**	**-**	**33,468.000**	**-**	**-**	

STT	Chủ đầu tư/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến thời điểm trình (25/9/2026)	Lũy kế giải ngân KH 2026 từ đầu năm đến thời điểm trình (25/9/2026)	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt					Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Chia theo nguồn vốn					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				Tổng cộng	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng cộng	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	
1	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa	Phường Bình Kiến	7990824	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa	2636/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	5,940	5,940	5,080	5,080	-	-						206.000	206.000		206.000			Đã thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng, cần bố trí vốn để thanh toán chi phí GPMB; để đủ cơ sở trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
2	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm phục vụ hoạt động của các Hợp tác xã trên địa bàn thị xã Đông Hòa	Phường Đông Hòa, phường Phú Yên, phường Hòa Hiệp và xã Hòa Xuân	8113851	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa	4901/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	3,383	3,383	3,093	2,685	-	-						290.000	290.000	-	290.000	-	-	Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
3	Xây dựng 13 phòng học, bộ môn và nhà đa năng Trường THCS Tôn Đức Thắng	Phường Phú Yên	7970082	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa	4718/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	13,999	13,999	10,685	10,685	-	-						2,800.000	2,800.000	-	2,800.000	-	-	Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc BCH quân sự huyện (nay là BCH quân sự thị xã)	Phường Đông Hòa	7829160	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa	6342/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	14,899	14,899	510	510	-	-						2,000.000	2,000.000	-	2,000.000	-	-	Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông công viên Hồ Sơn, phường 9, thành phố Tuy Hòa	Phường Tuy Hòa	7896358	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa	5025/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	69,998	69,998	636	636	-	-						2,000.000	2,000.000	-	2,000.000	-	-	Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
6	Khép kín khu dân cư phía Đông Bắc đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ - Nguyễn Hữu Thọ), thành phố Tuy Hòa	Phường Tuy Hòa	7897909	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa	4106/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	141,856	141,856	1,225	1,225	-	-						2,000.000	2,000.000	-	2,000.000		-	Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
7	Nâng cấp, mở rộng đường Lạc Long Quân, phường Phú Lâm và phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa	Phường Phú Yên	7895202	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa	5024/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	266,784	266,784	2,000	2,000	-	-						2,000.000	2,000.000	-	2,000.000	-	-	Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
8	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa (4,5 ha)	Phường Bình Kiến	7965572	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy Hòa	6015/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	52,172	52,172	5,000	5,000	-	-						22,172.000	22,172.000	-	22,172.000	-	-	Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
III	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An**	-				**283,427**	**283,427**	**138,947.057**	**134,875.010**	-	-	-	-	-	-	-	**44,150.000**	**44,150.000**	**-**	**44,150.000**	-	-	
1	Hạ tầng kỹ thuật chợ trung tâm đô thị Sông Cầu	Phường Sông Cầu	7885395	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	Số 7537/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	20,102	20,102	4,300	3,738	-							4,500.000	4,500.000		4,500.000			Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
2	Hạ tầng kỹ thuật khu phố chợ phường Xuân Phú	Phường Sông Cầu	7885396	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	Số 7538/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	39,990	39,990	8,100	5,635	-							3,500.000	3,500.000		3,500.000			Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phường Xuân Phú	Phường Sông Cầu	7885397	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	Số 7539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	39,974	39,974	8,700	7,683	-							5,000.000	5,000.000		5,000.000			Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
4	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thị xã Sông Cầu	Phường Sông Cầu	8089949	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	6815/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024	44,000	44,000	9,000	8,972	-							22,000.000	22,000.000		22,000.000			Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu phố Long Hải Nam (khu B) (Hạng mục: lát đá granit diện tích khu đất thương mại dịch vụ 01 (TMDV-01) và toàn bộ diện tích cứng hoá; mặt kè, diện tích đất tiếp giáp vỉa hè phía biển và lan can bảo vệ)	Phường Sông Cầu	7885399	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	4590/QĐ-UBND, ngày 14/12/2021	133,136	133,136	108,847	108,847	-							7,000.000	7,000.000		7,000.000			Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
6	Nâng cấp vỉa hè đường Trần Phú (Đoạn từ đường 24/3 đến cuối tuyến phía phải)	Xã Sơn Hòa	8224268	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	3556/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	893	893	-	-	-							750.000	750.000		750.000			Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.

STT	Chủ đầu tư/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến thời điểm trình (25/9/2026)	Lũy kế giải ngân KH 2026 từ đầu năm đến thời điểm trình (25/9/2026)	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt					Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Chia theo nguồn vốn					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				Tổng cộng	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng cộng	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	
7	Nâng cấp vỉa hè đường Trần Phú (Đoạn từ đường 24/3 đến cuối tuyến phía trái)	Xã Sơn Hòa	8224506	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	3537/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	861	861	-	-	-							700.000	700.000		700.000			Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
8	Dự án Đầu tư xây dựng khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập Trường THCS Nguyễn Hữu Thọ	Xã Sơn Hòa	8224269	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An	3111/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019	4,471	4,471	-	-	-							700.000	700.000		700.000			Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
IV	**Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình GT&NNPTNT tỉnh**					**190,000**	**6,000**	**176,977.000**	**176,792.000**	-	-	-	-	-	-	-	**4,352.000**	**4,352.000**	-	**4,352.000**	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 9, đoạn Km0+00 - Km20+300	Xã Krông Pắc, Xã Tân Tiến, Xã Dang Kang, Xã Krông Bông	7900636	Ban QLDA ĐTXD Công trình GT&NNPTNT tỉnh	3850/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	190,000	6,000	176,977.000	176,792.000	-							4,352.000	4,352.000		4,352.000			HT
V	**Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk**					**367,233**	**367,233**	**115,835**	**115,835**	-	**0**	**0**	**0**	**0**	-	-	**2,539.500**	**2,539.500**	-	**2,539.500**	-	-	
1	Trung tâm chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Phường Tuy Hòa	7966849	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	57/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	28,566	28,566	24,282	24,282	-							688.000	688.000		688.000			Quyết toán
2	Đầu tư cơ sở vật chất Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Võ Thị Sáu	Xã Tuy An Đông	7999040	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	80/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2023	14,995	14,995	11,861	11,861	-							1,314.000	1,314.000		1,314.000			Quyết toán
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng các lô đất có ký hiệu 1,2,3,4,5,6 phía Đông đường Hùng Vương (Đoạn từ đường Trần Hảo - đường số 14), TP. Tuy Hòa	Phường Bình Kiến	7774328	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	Số: 1767/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	99,327	99,327	78,548	78,548	-							123.000	123.000		123.000			Quyết toán
4	Sửa chữa, mở rộng và nâng cấp cơ sở vật chất Tòa soạn Báo Phú Yên	Phường Tuy Hòa	7689461	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	750/QĐ-UBND ngày 18/4/2018	17,938	17,938	100	100	-							33.000	33.000		33.000			Quyết toán
5	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 10, huyện Tây Hòa	Xã Tây Hòa	7509151	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	2857/QĐ-UBND ngày 28/11/2016	6,355	6,355	150	150	-							28.000	28.000		28.000			Quyết toán CBĐT, dừng dự án
6	Nhà làm việc liên cơ các Trạm: Trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, khuyến nông huyện Đông Hòa	Phường Đông Hòa	7605352	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	137/QĐ-SKHĐT ngày 18/10/2017	4,720	4,720	200	200	-							3.000	3.000		3.000			Quyết toán CBĐT, dừng dự án
7	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng Phú Yên (GĐ 1)	Phường Bình Kiến	7587707	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	132/QĐ-UBND ngày 29/12/2016	9,988	9,988	274	274	-							0.500	0.500		0.500			Quyết toán CBĐT, dừng dự án
8	Công viên ven biển thành phố Tuy Hòa (đoạn từ phía Bắc Nhà nghỉ Hội Nông dân đến phía Nam Khu du lịch Bắc Âu)	Phường Tuy Hòa	7829474	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	1088/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	185,344	185,344	420	420	-							350.000	350.000		350.000			Quyết toán CBĐT, dừng dự án
VI	**Công an tỉnh**					**43,999**	**43,999**	**41,651.405**	**41,651.405**	-	-	-	-	-	-	-	**74.743**	**74.743**	-	**74.743**	-	-	
1	Cơ sở làm việc Công an cấp xã tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Tại các xã An Ninh Đông, An Thạch, An Chấn huyện Tuy An; xã Ea Charang, Phước Tân, Suối Trai huyện Sơn Hoà; xã Xuân Thịnh, Xuân Bình, Xuân Lâm, Xuân Phương thị xã Sông Cầu; xã Xuân Lãnh huyện Đồng Xuân, xã Hoà Xuân Nam thị xã Đông Hoà, xã Ea Lâm huyện Sông Hinh, xã Hoà Định Đông huyện Phú Hoà, xã Hoà Thịnh huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên (cũ)	7004692	Công an tỉnh	1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2020	43,999	43,999	41,651	41,651	-							74.743	74.743		74.743			Quyết toán
VII	**Các phường, xã**					**60,630**	**60,630**	**52,525.067**	**47,585.599**	**1,980.867**	-	-	-	-	-	-	**6,822.021**	**6,822.021**	-	**6,822.021**	-	-	

STT	Chủ đầu tư/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến thời điểm trình (25/9/2026)	Lũy kế giải ngân KH 2026 từ đầu năm đến thời điểm trình (25/9/2026)	Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt					Chia theo nguồn vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Chia theo nguồn vốn					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				Tổng cộng	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng cộng	Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tăng thu tiết kiệm chi	
1	**UBND phường Sông Cầu**					**15,000**	**15,000**	**10,000.000**	**5,060.532**	**1,980.867**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**4,947.021**	**4,947.021**	**-**	**4,947.021**	**-**	**-**	
1.1	Đường Trung Trinh - Vũng La (đoạn Đá Tượng - nhà ông Võ Văn Dũng)	Phường Sông Cầu	8047729	UBND phường Sông Cầu	1026/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	15,000	15,000	10,000.00	5,060.53	1,980.87							4,947.021	4,947.021	-	4,947.021	-	-	Dự án đang triển khai thi công có khối lượng giải ngân nên có nhu cầu sử dụng vốn.
2	**UBND xã Dliê Ya**					**30,630**	**30,630**	**28,535.067**	**28,535.067**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**865.000**	**865.000**	**-**	**865.000**	**-**	**-**	
2.1	Dự án Trường Mầm non Hoa Lan, xã Ea Tóh; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, 10 phòng học, 02 phòng chức năng, nhà bếp ăn, nhà bảo vệ, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị	Xã Dliê Ya	7680078	UBND xã Dliê Ya	5675/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	14,175	14,175	13,605.05	13,605.05	-							94.000	94.000	-	94.000	-	-	HT
2.2	Dự án: Mở rộng đường giao thông trung tâm xã Ea Tóh, Hạng mục: Nền, mông, mặt đường láng nhựa, vỉa hè, điện chiếu sáng và hệ thống thoát nước	Xã Dliê Ya	7901272	UBND xã Dliê Ya	2922/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	12,285	12,285	11,181.35	11,181.35	-							510.000	510.000	-	510.000	-	-	HT
2.3	Xây dựng các điểm kinh doanh năm 2017 tại chợ trung tâm xã Ea Tóh; Hạng mục 8 cửa hàng	Xã Dliê Ya	8010866	UBND xã Dliê Ya	222/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1,058	1,058	933.56	933.56	-							65.000	65.000	-	65.000	-	-	HT
2.4	Trường THCS Nguyễn Du; Hạng mục: Nhà đa năng	Xã Dliê Ya	7711218	UBND xã Dliê Ya	421/QĐ-UBND ngày 28/01/2019	2,416	2,416	2,218.28	2,218.28	-							96.000	96.000	-	96.000	-	-	HT
2.5	Công trình: Xây dựng tường rào xung quanh bãi chất thải tại xã Ea Tân; Hạng mục: Tường rào	Xã Dliê Ya	7973269	UBND xã Dliê Ya	4870/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	697	697	596.827	596.827	-							100.000	100.000	-	100.000	-	-	Quyết toán
3	**UBND xã Phú Xuân**					**15,000**	**15,090**	**13,990.000**	**13,990.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1,010.000**	**1,010.000**	**-**	**1,010.000**	**-**	**-**	
3.1	Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông trung tâm xã Ea Púk- Hạng mục: Nền, mông, mặt đường láng nhựa, hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh và điện chiếu sáng công cộng	Xã Phú Xuân	7879406	UBND xã Phú Xuân	4921/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	15,000	15,000	13,990.00	13,990.00	-							1,010.000	1,010.000	-	1,010.000	-	-	HT

Phụ lục IV

PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2026 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ BỔ SUNG CÁC NỘI DUNG CẦN THIẾT, CẤP BÁCH KHÁC

(Kèm theo Nghị quyết số 37 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư dự án			Lũy kế đã bố trí vốn		Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG			**293,000**	**76,187**	**232,639.473**	**15,826.473**	**39,883**	**39,883**	
1	Trường Phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở xã Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	01851/QĐ-UBND ngày 31/10/2025; 2979/QĐ-UBND ngày 17/9/2026	248,000	31,187	216,813.000		31,187	31,187	Bố trí phần vốn thuộc trách nhiệm NSĐP để thực hiện đầu tư hoàn thành dự án.
2	Đường Chu Văn An (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Hà Huy Tập), thành phố Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	8353/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	45,000	45,000	15,826.473	15,826.473	8,696	8,696	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng thực hiện và đẩy nhanh tiến độ thi công dự án.